

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023
của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học
phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới**

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn trước khi họp nhất đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW¹ phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Nhằm kế thừa kết quả đã đạt được, đồng thời cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên sau họp nhất, gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW*) và các chủ trương của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới.

¹ Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 30/6/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, Chương trình hành động số 24-CTr/TU, ngày 11/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

Cụ thể hóa Nghị quyết số 36-NQ/TW gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm thống nhất, đồng bộ việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh sau hợp nhất; kế thừa, phát huy kết quả đã đạt được, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện thực tiễn của tỉnh trong tình hình hiện nay.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phải được tiến hành đồng bộ, quyết liệt, thiết thực, hiệu quả. Các nhiệm vụ, giải pháp phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy và điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị.

Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển và ứng dụng rộng rãi, hiệu quả công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực; từng bước xây dựng công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của tỉnh; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và phát triển bền vững.

Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh về tài nguyên sinh học, cây chè, cây dược liệu, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, sản phẩm OCOP, nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; hình thành môi trường nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Công nghệ sinh học được ứng dụng ngày càng rộng rãi, hiệu quả trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, y dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững.

Hình thành và phát triển một số sản phẩm, mô hình ứng dụng công nghệ sinh học có giá trị, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Công nghiệp sinh học từng bước trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của tỉnh; phần đầu đóng góp khoảng 7% GRDP của tỉnh; tạo thêm sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của xã hội.

Phần đầu tối thiểu 30% doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có hoạt động phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học hoặc sử dụng sản phẩm, quy trình, chế phẩm sinh học trong sản xuất, kinh doanh, chế biến, bảo quản, xử lý môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hình thành, củng cố ít nhất 02 tổ chức khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu mạnh hoặc trung tâm, phòng thí nghiệm có hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Phần đầu các cơ sở y tế tuyến tỉnh có ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử, công nghệ gen, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, giám sát dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và bảo đảm an toàn sinh học.

Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen cây chè, cây dược liệu, giống cây trồng, vật nuôi, động, thực vật quý hiếm; phục vụ bảo tồn, khai thác, phát triển bền vững tài nguyên sinh học của tỉnh.

Phần đầu tối thiểu 60% sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP có tiềm năng được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sau bảo hộ; số lượng tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tăng bình quân 15 - 20%/năm.

Nguồn nhân lực, tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghệ sinh học được tăng cường; năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Công nghiệp sinh học của tỉnh phát triển vững chắc, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và phát triển bền vững. Phần đầu đưa Thái Nguyên trở thành tỉnh có trình độ phát triển công nghệ sinh học khá

trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học, có khả năng thu hút đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công nghệ sinh học đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đưa nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình công tác của các cấp, các ngành, địa phương; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh tuyên truyền về các thành tựu, mô hình, sản phẩm công nghệ sinh học tiêu biểu; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã có thành tích tiêu biểu; nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học.

2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Rà soát, cụ thể hóa, triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển công nghệ sinh học, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, y tế, bảo vệ môi trường, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong phát triển hệ sinh thái công nghệ sinh học.

Tăng cường triển khai áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với sản phẩm công nghệ sinh học; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, góp phần nâng cao chất lượng, khả năng thương mại hóa và sức cạnh tranh của sản phẩm.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực trọng điểm; phát triển công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, y dược, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh; chú trọng bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững nguồn gen, đa dạng sinh học; phát triển cây chè, cây dược liệu, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của địa phương.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích phát triển công nghiệp sinh học gắn với đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

4. Phát triển nguồn nhân lực, tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghệ sinh học

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý và nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

Phát huy vai trò, tiềm lực của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở nghiên cứu, cơ sở y tế và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học; thúc đẩy hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, các trung tâm đổi mới sáng tạo và cơ sở ươm tạo công nghệ.

Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, xây dựng và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Quản lý, bảo vệ các dữ liệu sinh học, nguồn gen, y tế, sản xuất; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng dữ liệu.

5. Tăng cường hợp tác trong nước, hợp tác quốc tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh và an toàn sinh học

Mở rộng hợp tác với các bộ, ngành Trung ương, các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, địa phương, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tiếp nhận, chuyển giao, làm chủ các công nghệ sinh học tiên tiến; tranh thủ hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển công nghệ sinh học.

Kết hợp chặt chẽ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học với bảo đảm quốc phòng, an ninh và an toàn sinh học; nâng cao năng lực giám sát dịch bệnh, chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn sinh học, sự cố sinh học ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, môi trường, quốc phòng, an ninh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch hoặc cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy *trước ngày 10/10/2026* để theo dõi, tổng hợp.

Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; định kỳ *trước ngày 15/12 hằng năm* hoặc đột xuất theo yêu cầu, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổng hợp, tham mưu báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động này; chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền; phối hợp nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; tổng hợp, tham mưu báo cáo kết quả thực hiện hằng năm; tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương và Thường trực Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (*báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NguyenVietDung-206

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Bùi Văn Lương